

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửa Long An Giang (HSX: ACL)

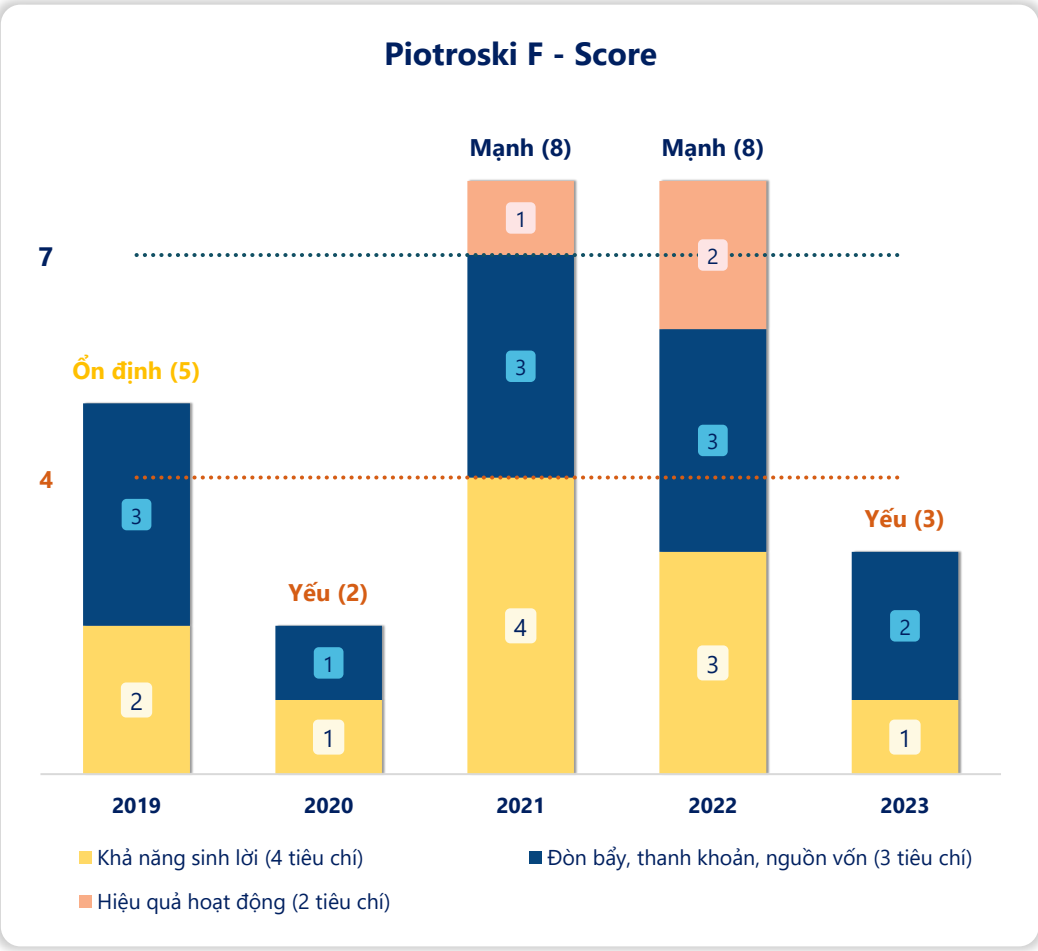
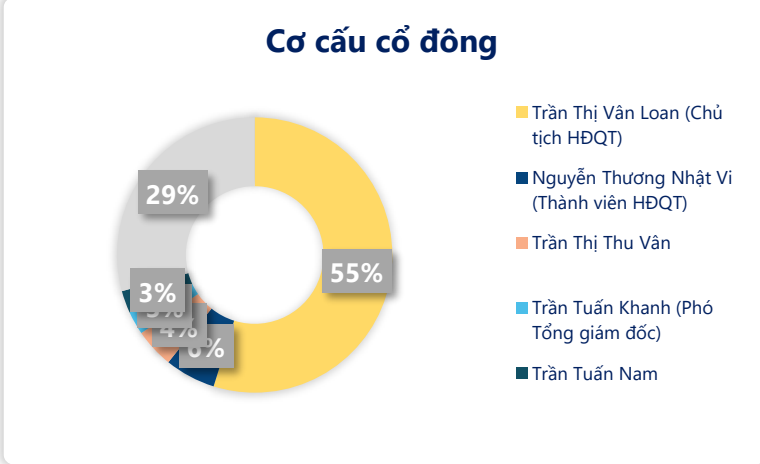
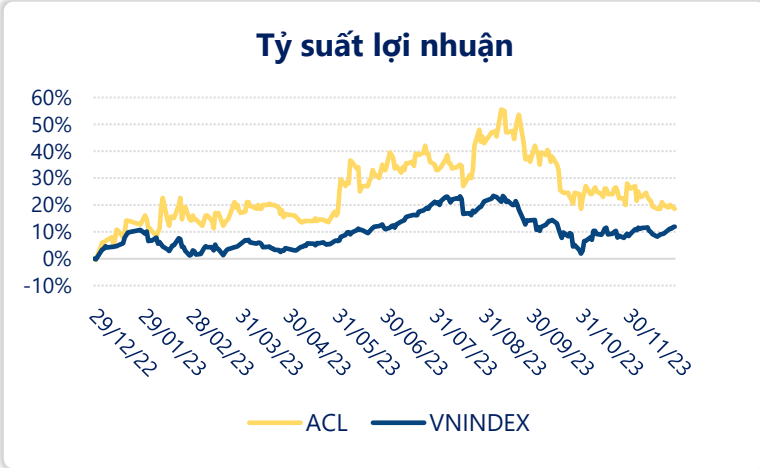
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	11,850 VNĐ		
29/12/2023			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.7%	-12.2%	-11.2%

Sức mạnh tài chính	2023
Piotroski F - Score	3/9
	(Yếu)

DT thuần	2023
	1,117
	tỷ VNĐ
	YoY ▼ 50.0
	▼ 4.3%

LN sau thuế	2023
	9.85
	tỷ VNĐ
	YoY ▼ 108
	▼ 91.6%

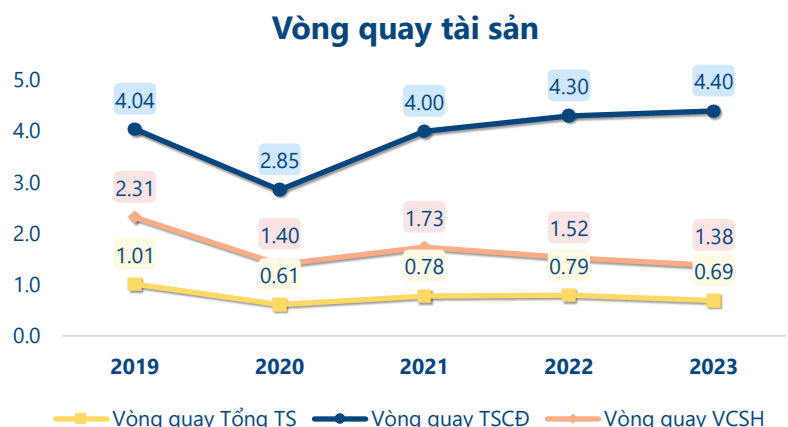
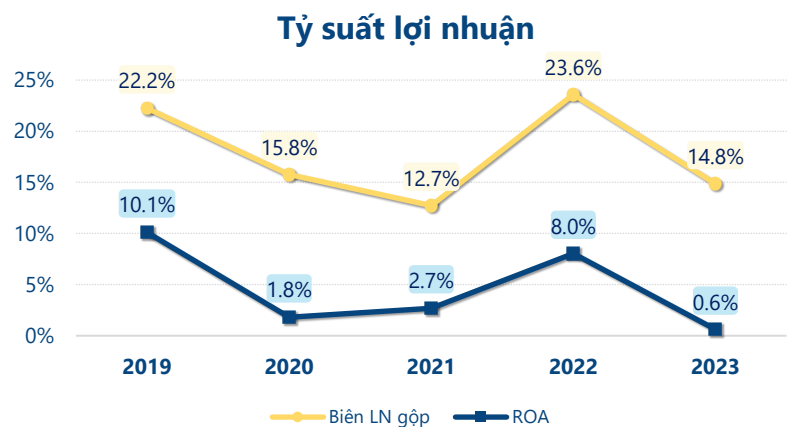
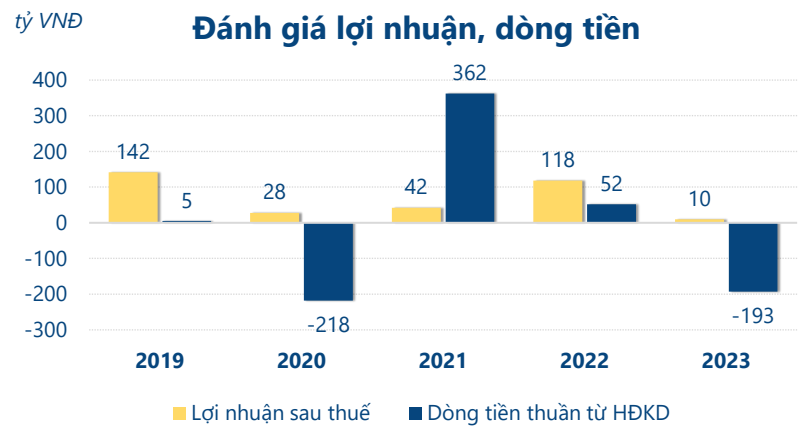


Năm **2023**, F-Score của **ACL** đạt **3/9** thấp hơn năm trước cho thấy dấu hiệu báo động về sức khỏe tài chính đang giảm xuống mức **"yếu"**.

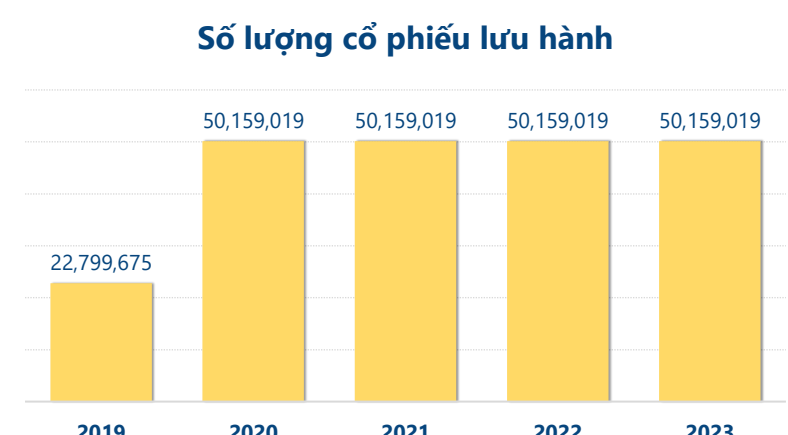
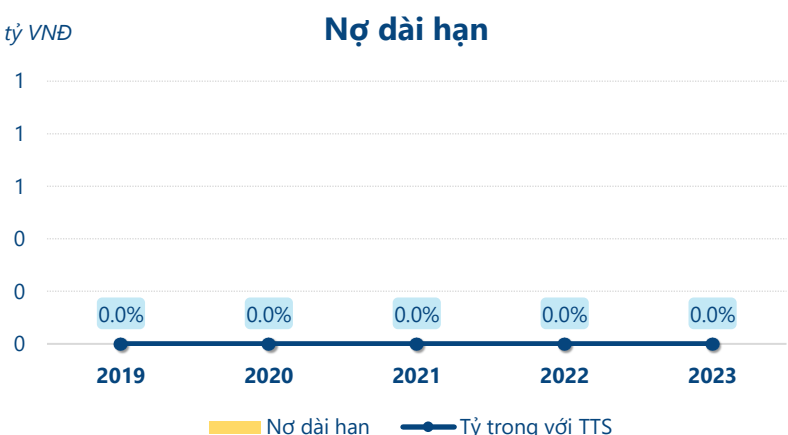
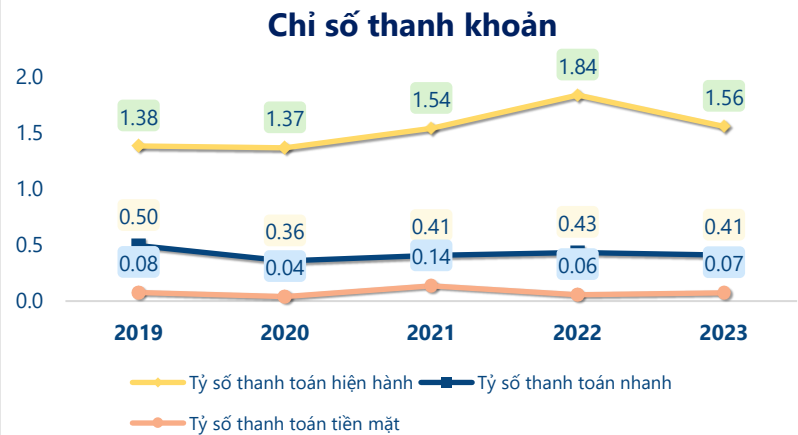
Trong đó, khả năng sinh lời **giảm** xuống còn **1/4** điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn **kém hơn** năm trước đạt **2/3**. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, **không đạt** điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

F-Score ở mức yếu là một tín hiệu xấu cho thấy sự đáng lo ngại về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Phản ánh tình trạng không ổn định và rủi ro tài chính cao.

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang (HSX: ACL)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2023** của **ACL**: Lợi nhuận sau thuế dương là một tín hiệu tích cực, tuy nhiên dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm có thể cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc sinh lời từ hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Công ty đang gặp khó khăn trong việc tạo ra lợi nhuận từ mỗi đơn vị tài sản khi ROA giảm so với năm trước. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	1,751	1,481	18.2%
Tài sản ngắn hạn	1,483	1,208	22.7%
Tiền và tương đương tiền	71.1	38.1	86.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	222	166	33.9%
Hàng tồn kho	1,093	923	18.5%
Tài sản ngắn hạn khác	97.1	82.0	18.4%
Tài sản dài hạn	268	273	-1.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	250	258	-3.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.10	6.10	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.00	1.00	0.0%
Tài sản dài hạn khác	11.5	8.43	36.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	950	657	44.6%
Nợ ngắn hạn	950	657	44.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	803	514	56.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	93.8	83.3	12.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	801	824	-2.8%
Vốn chủ sở hữu	801	824	-2.8%
Vốn điều lệ	502	502	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	1,418	952	1,214	1,167	1,117
Giá vốn hàng bán	1,102	802	1,059	892	951
Lợi nhuận gộp	315	150	154	275	166
Doanh thu HĐTC	5.45	4.45	5.23	11.1	8.38
Chi phí TC	45.1	46.5	34.4	37.3	46.5
Chi phí lãi vay	43.2	44.7	32.1	33.7	44.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	68.3	44.4	48.0	68.5	67.0
Chi phí QLDN	47.5	31.2	29.0	43.9	43.0
LN thuần từ HĐKD	160	32.4	48.2	137	17.7
Lợi nhuận khác	-1.92	-1.33	-0.38	-1.98	-3.91
LN trước thuế	158	31.1	47.8	135	13.7
Lợi nhuận sau thuế	142	28.2	42.1	118	9.85
LNST của CĐ cty mẹ	142	28.2	42.1	118	9.85

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.27	-218	362	51.9	-193
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.4	-23.4	-2.62	-10.5	-27.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	7.78	218	-295	-105	253
Tiền đầu kỳ	79.7	61.3	38.8	102	38.1
Lưu chuyển tiền thuần	-18.4	-22.5	63.7	-64.0	33.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	-0.38	-0.13	-0.12
Tiền cuối kỳ	61.3	38.8	102	38.1	71.1